TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoằng;
2. Ông Bạch Quảng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hải-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa*: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố P, Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 855/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1975; Địa chỉ: 339/24 Trường C, tổ 1, phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Bị đơn**: Ông Đặng Thanh P, sinh năm 1974; địa chỉ: 1197 Trường C, phường Chi L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 10 tháng 11 năm 2023 bà Nguyễn Thị Mỹ L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai, yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với ông Đặng Thanh P.

Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà Nguyễn Thị Mỹ L khai, Bà và ông P đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau thời gian chung sống, vợ chồng có với nhau 02 con chung là Đặng Thế V, sinh ngày 16/5/2003 và Đặng Thế Đ, sinh ngày 04/01/2010.

Khoảng 10 năm gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P ngoại tình, đi quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng không còn sống chung, ông P không chăm lo cho cuộc sống gia đình, bỏ mặc các con cho bà nuôi dưỡng. Vì vậy bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đặng Thế V, đã thành niên, đang theo học chương trình đại học và Đặng Thế Đ đang học lớp 8. Bà L đề nghị được nuôi cả hai con, yêu cầu ông P cấp dưỡng mỗi tháng 5 triệu đồng cho con chưa thành niên.

Ông Đặng Thanh P thừa nhận những nội dung do bà L trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung cũng như việc mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung. P ở riêng và làm nghề, thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 20.000.000đ. Tuy nhiên, ông cho rằng việc ông ngoại tình là do sai lầm nhất thời, vì ông vẫn còn thương vợ, nên mong muốn bà L tha thứ để được đoàn tụ, cùng nhau chăm lo gia đình và các con. Trường hợp bà L cương quyết ly hôn thì ông chấp nhận, nhưng đề nghị được nuôi con chung, không cấp dưỡng. Ông P không đồng ý giao con và không cấp dưỡng cho bà L nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà và ông P không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Ý kiến của con chưa thành niên là Đặng Thế Đ mong muốn được ở với cha, nếu cha mẹ ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn giữa ông Đặng Thanh P và bà Nguyễn Thị Mỹ L do UBND phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia lai cấp ngày 01/4/1999.

Xác minh tại địa phương, được biết ông Đặng Thanh P có sinh sống tại địa chỉ 1197 Trường C, phường Chi L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông P và bà L thì địa phương không nắm được thông tin.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên không yêu cầu gì về các thủ tục tố tung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Đặng Thanh P xác lập quan vợ chồng đúng quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 nên được thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2]. Về yêu cầu ly hôn:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng là có thật. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, không còn quan tâm, chăm sóc nhau; ông P mong muốn hòa giải nhưng và bà L cũng cương quyết xin ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L ly hôn với ông P.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay con chung là Đặng Thế V, sinh ngày 16/5/2003 đã thành niên và có khả năng lao động và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Đối với Đặng Thế Đ, sinh ngày 04/01/2010, từ khi sinh ra cho đến hiện nay vẫn đang được bà L chăm sóc nuôi dưỡng cho ăn học. Do đó, mặc dù ông P mong muốn được nuôi con và Đặng Thế Đ muốn được ở với cha. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và cho việc học tập của con chưa thành niên được ổn định, tránh thay đổi môi trường sống, thay đổi sinh hoạt, gây xáo trộn tâm lý, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của con. Do đó cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung chưa thành niên cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với mức cấp cấp dưỡng mà bà L yêu cầu là 5.000.000đ/tháng, thấy rằng, căn cứ vào thực tế tình hình tại địa phương về chi phí học tập, ăn uống sinh

hoạt tại địa phương và thu nhập của ông P là 20.000.000đ/tháng, thì mức cấp cấp dưỡng theo yêu cầu của bà L là phù hợp. Do đó được xem xét chấp nhận.

Đối với ý kiến, đề nghị của ông Đặng Thanh P về việc nếu bà L cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông cũng chấp nhận, nhưng ông đề nghị được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, không đồng ý giao con cho bà L nuôi. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo quy định tại Điều 2 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, bình đẳng. Do đó, không có cơ sở để buộc bà L phải tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông P nếu bà L không tự nguyện. Và đồng thời, theo quy định tại các điều 51, 56, 71, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vợ chồng có quyền yêu cầu ly hôn, nếu xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng thì Tòa án cho ly hôn, buộc người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng. Vì vậy, ý kiến, đề nghị của ông P không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn;

Ông Đặng Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được xem xét chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều: 51, 56, 69, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH;

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với ông Đặng Thanh P.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Đặng Thế Đ, sinh ngày 04/01/2010 bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc hạn chế quyền thăm nom con.

Ông Đặng Thanh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), kể từ tháng 02/2024 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động tự lập được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại điều khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai số 00001616 ngày 20-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; bà L đã nộp đủ số tiền này.

Ông Đặng Thanh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống Đ hợp lệ, để cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.P;
- THADS TP.P;
- Các đương sự;
- UBND phường Yên Đ, Tp. P, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 24; ngày 01/4/1999);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nhơn